



BẢN TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Tuần 3 tháng 5 (13-17/5/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH

Kinh tế - tài chính thế giới

- Tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2024: Liên hợp quốc dự báo 2,7%, OPEC dự báo 2,8%;
- Số vụ vỡ nợ doanh nghiệp toàn cầu tháng 4/2024 tăng gấp đôi so với tháng trước;
- Kinh tế Mỹ: Lạm phát chậm lại nhưng tiêu dùng trì trệ;
- Kinh tế khu vực EURO: Lạm phát xuống mức thấp nhất 3 năm, tăng trưởng hồi phục nhờ chi tiêu tiêu dùng và thương mại cải thiện;
- Kinh tế Trung Quốc: Sản xuất công nghiệp hồi phục nhưng doanh số bán lẻ và đầu tư vào bất động sản còn yếu kém.
- Fed nhận định mức lạm phát mục tiêu 2% có thể sớm đạt được;
- ECB: Rủi ro đối với hệ thống tài chính giảm bớt trong những tháng gần đây;
- PBoC sẽ triển khai một chương trình hỗ trợ mới nhằm vực dậy thị trường nhà đất.

Kinh tế - tài chính, ngân hàng Việt Nam

- Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV: Công thương và Kiểm toán là những lĩnh vực lần đầu được đề xuất tiến hành chất vấn;
- Thủ tướng Chính phủ yêu cầu đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa tỷ giá và lãi suất; sử dụng hợp lý các công cụ thị trường, cần có các giải pháp thu hẹp chênh lệch giữa giá vàng miếng trong nước và quốc tế
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành Quyết định thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động kinh doanh vàng của các TCTD và DN hoạt động kinh doanh vàng;
- NHNN sẽ tiếp tục tổ chức 2 phiên đấu thầu vàng, Người dân cần thận trọng khi tham gia giao dịch vàng để giảm thiểu rủi ro;
- Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023: Gia hạn thời gian cơ cấu nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN thêm 6 tháng;
- Dự kiến xuất siêu 8,4 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm 2024;
- Mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục biến động tăng;
- Lãi suất VND LNH giảm ở tất cả các kỳ hạn qua hầu hết các phiên;
- NHNN bơm ròng 7.268,16 tỷ VND ra thị trường qua kênh thị trường mở;
- Trong nước, tỷ giá trung tâm USD/VND giảm mạnh.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ – HÀNG HÓA QUỐC TẾ TUẦN 3 THÁNG 5 (13-17/5/2024)

Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	12/06/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	14/09/2023	06/06/2024
BOJ	Nhật Bản	0.10%	0.00 %	19/03/2024	14/06/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55 %	22/04/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	18/06/2024
BoE	Anh	5.00%	4.50%	22/06/2023	20/06/2024
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25 %	13/01/2023	23/05/2024
BI	Indonesia	6.25%	6.00%	24/04/2024	22/05/2024
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	11/07/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	12/06/2024
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	07/06/2024

Tỷ giá USD với một số đồng tiền chủ chốt

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo tuần	+/_% theo tháng	+/_% Y/Y
EURUSD	1.08687	0.91%	2.13%	0.93%
GBPUSD	1.27009	1.41%	2.14%	2.36%
AUDUSD	0.66930	1.37%	4.23%	1.15%
USDJPY	0.61335	1.90%	3.91%	-1.49%
USDCNY	155.608	-0.09%	0.65%	12.18%
USDCAD	7.23237	-0.02%	-0.26%	2.59%
USDRUB	1.36116	-0.44%	-1.15%	0.83%
USDKRW	90.9500	-1.41%	-3.02%	13.13%
DXY	1353.22	-1.30%	-1.85%	1.41%
USDTHB	104.490	-0.77%	-1.58%	0.87%
USDSGD	36.0855	-2.00%	-1.99%	4.84%

Lợi tức trái phiếu chính phủ một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y
United States	4.4218	-0.08%	-0.22%	0.77%
United Kingdom	4.1320	-0.04%	-0.15%	0.18%
Japan	0.9521	0.04%	0.08%	0.57%
Australia	4.2940	-0.11%	-0.01%	0.81%
Germany	2.5190	0.01%	0.03%	0.11%
China	11.6900	-0.04%	0.14%	-0.18%
Singapore	2.3230	-0.01%	0.06%	-0.40%
South Korea	3.2170	-0.06%	-0.17%	0.42%
Taiwan	3.4580	-0.08%	-0.10%	0.09%
Thailand	1.5950	-0.01%	-0.08%	0.43%
Vietnam	2.7485	-0.05%	0.03%	0.24%
Hong Kong	2.7820	-0.08%	-0.09%	-0.31%
Indonesia	3.7030	-0.07%	-0.25%	0.37%
Malaysia	6.8850	-0.15%	-0.03%	0.46%
Philippines	3.8960	-0.02%	-0.07%	0.07%

Chỉ số chứng khoán một số thị trường lớn

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 tuần	+/_% 1 tháng	+/_% sv đầu năm	+/_% sv 1Y	+/_% sv 3 Y
Dow Jones	+1.24%	+5.31%	+6.14%	+19.68%	+17.37%
S&P 500	+1.54%	+6.77%	+11.18%	+26.51%	+27.51%
Nasdaq	+2.11%	+9.19%	+11.16%	+31.82%	+23.27%
DAX	-0.35%	+5.47%	+11.67%	+14.94%	+21.71%
FTSE 100	-0.16%	+6.64%	+8.88%	+8.55%	+19.95%
CAC 40	-0.63%	+1.81%	+8.28%	+9.02%	+28.75%
Euro Stoxx 50	-0.39%	+2.96%	+11.99%	+15.21%	+26.59%
Nikkei 225	+1.41%	+4.58%	+15.84%	+25.83%	+37.97%
Shanghai	-0.02%	+2.90%	+6.02%	-3.94%	-10.06%
Hang Seng	+2.95%	+20.52%	+14.70%	+0.53%	-31.27%
SET	+0.79%	+3.80%	-2.34%	-8.73%	-11.06%
KOSPI	-0.11%	+5.13%	+2.61%	+7.37%	-13.84%
IDX Com	+3.63%	+3.60%	+0.96%	+9.58%	+26.65%
PSEi	+1.64%	+2.73%	+2.61%	-0.69%	+6.79%

Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y	3.Khoáng sản	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y
Crude Oil USD/Bbl	80.000	2.22%	-3.30%	11.33%	Copper USD/Lbs	5.0500	8.31%	13.83%	36.87%
Natural gas USD/MMBtu	2.6380	17.14%	32.83%	-5.35%	Steel CNY/T	3547.00	1.93%	-1.44%	-4.45%
Gasoline USD/Gal	2.5770	3.09%	-5.04%	5.34%	Iron Ore USD/T	116.85	-0.09%	8.90%	8.82%
2.Kim loại quý					Aluminum USD/T	2627.00	3.85%	0.48%	15.04%
Gold USD/t.oz	2414.25	2.31%	1.44%	23.30%	Tin USD/T	33366	2.37%	3.52%	33.50%
Silver USD/t.oz	31.493	11.83%	11.52%	34.05%	Zinc USD/T	3045.00	3.91%	8.27%	23.83%
Lithium CNY/T	105500	-4.52%	-5.38%	-55.58%	Nikel USD/T	21137	11.53%	13.89%	1.56%
Platinum SD/t.oz	1094.50	8.85%	15.43%	4.34%	Coal USD/T	142.15	-1.28%	0.82%	-10.79%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 18/5/2024

A. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu và các nền kinh tế lớn

Tăng trưởng kinh tế thế giới

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2024: Liên hợp quốc dự báo 2,7%, OPEC dự báo 2,8%

Trong Báo cáo Tình hình và Triển vọng Kinh tế Thế giới tháng 5/2024, Liên hợp quốc nâng dự báo kinh tế thế giới lên 2,7% trong năm 2024 và 2,8% trong năm 2025 (tăng so với dự báo hồi đầu năm là 2,4% cho năm 2024 và 2,7% đối với năm 2025) nhờ triển vọng kinh tế lạc quan hơn tại Mỹ và một số nền kinh tế mới nổi hàng đầu như Brazil, Ấn Độ và Nga.

Trong báo cáo công bố ngày 14/5/2024, Tổ chức các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) dự báo tăng trưởng trong năm 2024 và 2025 không thay đổi so với đánh giá trước đó ở mức lần lượt là 2,8% và 2,9%.

	World	OECD	US	Eurozone	UK	Japan	China	India
2024	2.8	1.4	2.2	0.5	0.3	0.8	4.8	6.6
Change from previous month	0.0	0.1	0.1	0.0	-0.2	0.0	0.0	0.0
2025	2.9	1.5	1.9	1.2	1.0	1.0	4.6	6.3
Change from previous month	0.0	0.0	0.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0

Note: * 2024-2025 = Forecast. The GDP numbers have been adjusted to reflect 2017 ppp.

Source: OPEC.

Số vụ vỡ nợ doanh nghiệp toàn cầu tháng 4/2024 tăng hơn gấp đôi so với tháng trước

Regional default insights				
(No. of defaults)	April 2024	2024*	2023*	Leading sectors
U.S.	10 ↑	32	34	Consumer products
Europe	4 ↑	15	10	Consumer products, Media and entertainment
Emerging markets	2 ↑	5	9	Capital goods, Media and entertainment, Retail, Telecommunications, Transportation
Other developed	2 ↑	3	2	Financial institutions, Metals, mining, and steel, Telecommunications

Kinh tế Mỹ

Lạm phát (CPI) trong tháng 4/2024 chậm lại so với cùng kỳ năm trước và tháng trước và khớp dự báo.

(Dữ liệu CPI tháng 4/tháng 3/dự báo)

CPI toàn phần:

Y/Y: + 3,4%, /3,5%/3,5%;

Liên hợp quốc nhận định các nền kinh tế lớn đã tránh được suy thoái nghiêm trọng, dù vẫn đối mặt với một số thách thức. Hầu hết các nền kinh tế lớn đã nỗ lực giảm lạm phát mà không khiến thất nghiệp gia tăng và dẫn tới suy thoái. Đầu tư toàn cầu tiếp tục đà đi xuống kể từ năm 2021 - với tăng trưởng đầu tư, được đo bằng tổng vốn cố định trên thực tế - ước đạt 2,8% trong năm 2023. Thương mại hàng hóa toàn cầu vẫn yếu. Kim ngạch thương mại hàng hóa sụt giảm liên tục kể từ giữa năm 2022 và tiếp tục giảm 5% trong năm 2023.

Trong quý I/2024, OPEC ước tính tăng trưởng kinh tế toàn cầu mạnh mẽ ở mức khoảng 3% so với cùng kỳ năm ngoái, tuy nhiên, đà tăng trưởng này sẽ chậm lại về cuối năm. Sang năm 2025, tốc độ tăng trưởng được dự báo sẽ khá tích cực, duy trì tương đối ổn định ở mức trung bình khoảng 2,9% và có khả năng tăng lên 3% vào cuối năm.

Cụ thể, dự báo tăng trưởng kinh tế lần lượt của Mỹ năm 2024 và 2025 lần lượt lên 2,2% và 1,9%; Khu vực đồng Euro vẫn ở mức 0,5% và 1,2%; Trung Quốc ở mức 4,8% và 4,6%.

Sức tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của các nước châu Á đóng vai trò quan trọng giúp kinh tế toàn cầu sẽ bứt lên trong nửa cuối năm 2024 và 2025.

Nguồn: OPEC

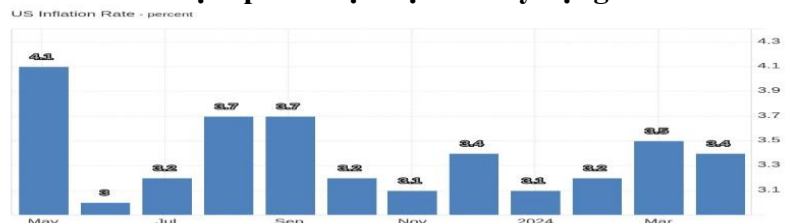
Theo báo cáo của S&P Global, trong tháng 4/2024, có 18 vụ vỡ nợ trên toàn cầu, dẫn đầu là 10 vụ vỡ nợ ở Mỹ trị giá 7,1 tỷ USD.

Các nguyên nhân chủ yếu là do nợ lãi sắp đến hạn phải trả, hoạt động căng thẳng và chi phí tái cấp vốn tăng cao... Khó khăn về đơn hàng mới là nguyên nhân chính gây ra những vụ vỡ nợ trên toàn cầu trong năm nay, chiếm 44% số vụ vỡ nợ trong tháng 4/2024 và 51% số vụ vỡ nợ tính đến thời điểm hiện tại.

Đáng chú ý là trong khi số vụ vỡ nợ toàn cầu tăng hơn gấp đôi, lên mức cao nhất kể từ tháng 10/2020 thì giá trị nợ lại giảm gần một nửa từ 16,3 tỷ USD xuống 8,6 tỷ USD.

Nguồn: S&P global

Lạm phát chậm lại như kỳ vọng



Source: tradingeconomics.com | U.S. Bureau of Labor Statistics

M/M: +0,3%/0,4%/0,4%.

CPI lõi thấp nhất kể từ tháng 4/2021.

Y/Y: +3,6%/3,8%/3,8%

M/M: +0,3%/0,4%/0,4%

Doanh số bán lẻ tháng 4/2024 không tăng/giảm (0%) so với tháng trước (0,6%) và dự báo (0,4%); doanh số bán lẻ nếu loại trừ dịch vụ lương thực, vật liệu xây dựng, dịch vụ xăng dầu chỉ tăng nhẹ 0,2%.

Kinh tế khu vực EURO:

Lạm phát (CPI) trong tháng 4/2024 xuống mức thấp nhất 3 năm qua.

(Dữ liệu CPI tháng 4/tháng 3/dự báo)

CPI toàn phần:

Y/Y: + 2,4%/2,4%;

M/M: +0,6%/0,8%.

CPI lõi giảm tháng thứ 9 liên tiếp xuống còn 2,7% - thấp nhất kể từ tháng 2/2022.

Kinh tế khu vực EURO tăng trưởng mở rộng 0,3% trong quý I/2024, hồi phục từ mức giảm 0,1% trong 2 quý trước đó. Đây cũng là mức tăng trưởng mạnh nhất kể từ quý III/2022.

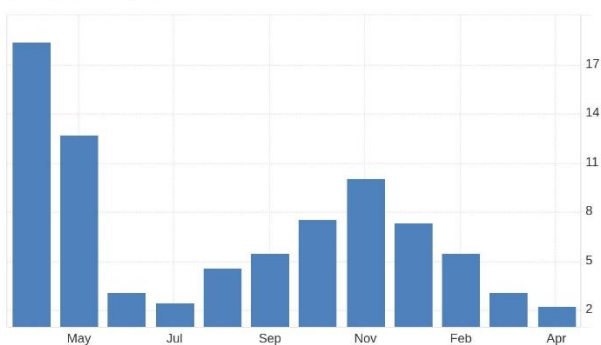
Sau năm 2023 phát triển trì trệ, khu vực EURO đang trên đà hồi phục.

EC dự báo lạm phát của Eurozone sẽ giảm từ 5,4% năm 2023 xuống 2,5% trong năm nay và 2,1% vào năm 2025 và tốc độ tăng trưởng kinh tế 2024 có thể đạt 0,8% nhờ chi tiêu tiêu dùng và thương mại được cải thiện, dù đầu tư chưa hồi phục.

Kinh tế Trung Quốc

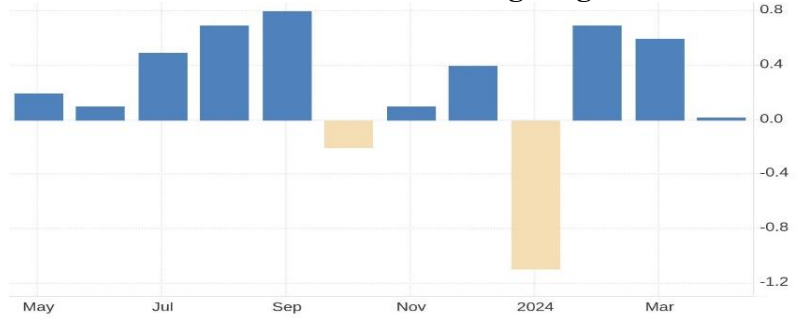
Doanh số bán lẻ tiếp tục sụt giảm

CN Retail Sales YoY - percent



Source: tradingeconomics.com | National Bureau of Statistics of China

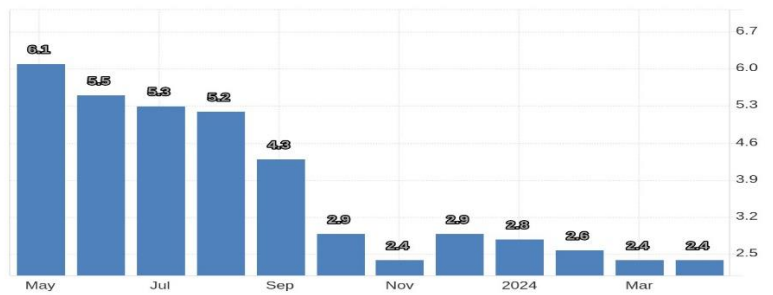
Doanh số bán lẻ không tăng



Nguồn: BLS/Tradingeconomics

Lạm phát đang dần về mức mục tiêu

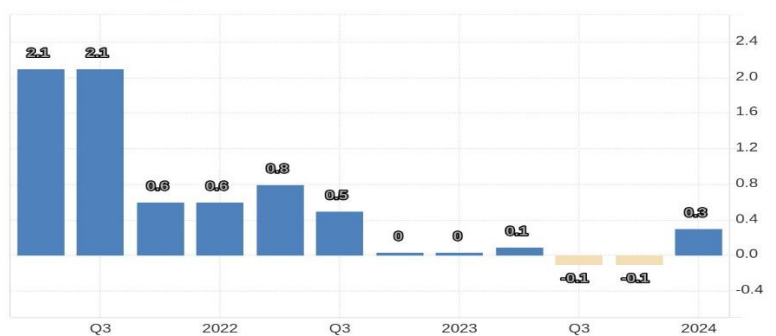
EA Inflation Rate - percent



Source: tradingeconomics.com | EUROSTAT

Tăng trưởng quý I/2024

EA GDP Growth Rate - percent



Source: tradingeconomics.com | EUROSTAT

Nguồn: EC/Tradingeconomics

Sản xuất công nghiệp, việc làm nhìn chung được cải thiện nhưng doanh số bán lẻ và đầu tư vào bất động sản còn yếu.

- Sản xuất công nghiệp tăng 6,7% trong tháng 4 so với cùng kỳ năm trước, vượt kỳ vọng tăng 5,5% và tăng đáng kể so với mức 4,5% trong tháng 3.

- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị là 5% - thấp nhất kể từ tháng 11/2024, thấp hơn so với mức tháng trước và dự báo (5,2%).

Tuy nhiên, đầu tư và bán lẻ chưa hồi phục:

- Đầu tư vào cơ sở hạ tầng và sản xuất giảm nhẹ so với tháng 3. Đầu tư vào lĩnh vực bất động sản giảm 9,8% so với cùng kỳ trong 4 tháng đầu năm 2024. Giá nhà mới giảm mạnh nhất trong vòng 9 năm (giảm 3,1% y/y, giảm 0,6% m/m) và đã giảm tháng thứ 10 liên tiếp.

- Doanh số bán lẻ tháng 4/2024 tăng 2,3% y/y, thấp hơn dự báo (tăng 3,8%) và cũng chậm hơn so với tháng trước (3,1%), cũng là mức thấp nhất 15 tháng qua; so với tháng

trước, bán lẻ chỉ nhích nhẹ 0,03% trong khi tháng trước tăng 0,26%. Cả giai đoạn 4 tháng đầu năm, bán lẻ tăng 4,1%.

Nguồn: NBS/Tradingeconomics

II. Thị trường tài chính

Động thái chính sách các NHTW lớn

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed):

Dữ liệu CPI tháng 4 thúc đẩy niềm tin của các nhà hoạch định chính sách rằng đã giảm phát được ghi nhận vào năm ngoái có thể được duy trì và mức lạm phát mục tiêu 2% có thể sớm đạt được.

Xác suất Fed hạ lãi suất trong cuộc họp tháng 6/2024 khoảng 9%.

NHTW khu vực EURO (ECB): Rủi ro đối với hệ thống tài chính hầu như đã giảm bớt trong những tháng gần đây.

NHTW Trung Quốc (PBoC): PBoC sẽ triển khai một chương trình hỗ trợ mới nhằm bơm ra 300 tỷ Nhân dân tệ (tương đương 41,5 tỷ USD) vốn giá rẻ để các doanh nghiệp nhà nước mua lại những căn nhà chưa bán được.

III. Thị trường hàng hóa

Giá vàng thế giới tăng tuần thứ 2 liên tiếp

Kết thúc phiên giao dịch ngày cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay tăng 1,3% lên 2.407,65 USD/oz - cao nhất kể từ 19/4/2024. Hợp đồng vàng tương lai tăng thêm 1,2% lên 2.412,10 USD/oz.

Giá vàng đã ghi nhận tuần tăng thứ 2 liên tiếp vào ngày cuối tuần (17/5/2024), nhờ hy vọng mới về việc hạ lãi suất của Mỹ và các biện pháp kích thích kinh tế của Trung Quốc.

Khảo sát về diễn biến giá vàng tuần tới với 14 nhà phân tích phố Wall của Kitco:

- 11 người (79%) dự báo tăng;
- 02 người (21%) dự báo sẽ giảm;
- 01 người (7%) dự báo đi ngang.

LÃI SUẤT (ĐIỂM CƠ BẢN)	XÁC SUẤT FED ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT TRONG CUỘC HỌP SẮP TỚI		
	HIỆN TẠI *	TUẦN TRƯỚC 10/05/2024	THÁNG TRƯỚC 19/04/2024
475-500	0.0%	0.0%	0.7%
500-525	8.9%	3,5%	17.5%
525-550 (mức hiện tại)	91.1%	96.5%	81.7%

* Dữ liệu đến ngày 19/05/2024 của CME

ECB cho biết rủi ro đối với hệ thống tài chính hầu như đã giảm bớt trong những tháng gần đây khi nợ hộ gia đình và doanh nghiệp đã giảm xuống dưới mức trước đại dịch. Tuy nhiên, nợ công có thể vẫn ở mức cao.

ECB cũng cảnh báo các quốc gia châu Âu đang “dễ bị tổn thương trước những cú sốc bất lợi” từ căng thẳng địa chính trị và lãi suất cao lâu hơn do không tiếp tục giảm nợ công. PBoC sẽ cấp vốn cho 21 đơn vị, bao gồm các ngân hàng chính sách, tổ chức cho vay thương mại và ngân hàng cổ phần với mức lãi suất 1,75%.

Các khoản cho vay, có thời hạn một năm, sẽ được phép gia hạn 4 lần.

Nguồn: Fed/ECB/PBoC

Giá dầu thế giới có tuần tăng mạnh

Tuần vừa qua, hợp đồng dầu Brent tăng 1,44%, còn hợp đồng dầu WTI tăng mạnh tới 2,3%.

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu trong năm nay ở mức 1,1 triệu thùng/ngày so với 1,2 triệu thùng/ngày trong dự báo trước đó. Tổng nhu cầu dự kiến đạt trung bình 103,2 triệu thùng/ngày.

Kết thúc phiên giao dịch ngày cuối tuần, hợp đồng dầu Brent tăng 71 cent (tương đương 0,85%) lên 83,98 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI tăng 83 cent (tương đương hơn 1%) lên 80,06 USD/thùng.

Nguồn: OPEC/KITCO

B. KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

I. THÔNG TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, thị trường vàng, tỷ giá, lãi suất và huy

Về chính sách tiền tệ:

động vốn cho đầu tư phát triển ngày 16/5/2024.

Thủ tướng yêu cầu tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác.

Về thị trường vàng:

- Cần có các giải pháp thu hẹp chênh lệch giữa giá vàng miếng trong nước và quốc tế, trong đó có giải pháp truyền thông phù hợp, tăng cường thanh tra, giám sát, xử lý nghiêm các sai phạm; các ngân hàng thương mại đồng hành cùng với Ngân hàng Nhà nước về vấn đề này.

Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV

Khai mạc vào ngày 20/5/2024, dự kiến bế mạc vào ngày 28/6/2024 theo hình thức họp tập trung tại Nhà Quốc hội, Thủ đô Hà Nội, chia thành 2 đợt họp (tổng cộng 26,5 ngày):

Đợt 1: từ ngày 20/5 đến 08/6/2024;

Đợt 2: từ ngày 17/6 đến sáng 28/6/2024.

Quản lý thị trường vàng

Ngày 17/5/2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành Quyết định số 324/QĐ - TTGSNH2 thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động kinh doanh vàng của các tổ chức tín dụng (TCTD), doanh nghiệp (DN) hoạt động kinh doanh vàng.

NHNN sẽ tiếp tục tổ chức 2 phiên đấu thầu vàng vào các ngày 21/5/2024 và 23/5/2024. Khối lượng vàng đặt thầu tối thiểu ở mức 500 lượng và khối lượng đặt tối đa là 4.000 lượng.

- Cần đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa tỷ giá và lãi suất; sử dụng hợp lý các công cụ thị trường, trong đó có việc bơm tiền ra, hút tiền vào phù hợp.

- Không để tỷ giá ảnh hưởng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; giữ ổn định tương đối về tỷ giá. Dứt khoát thực hiện các giải pháp tạo thuận lợi tiếp cận tín dụng; tiết giảm chi phí, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính, đặc biệt là đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động của ngân hàng, phấn đấu giảm lãi suất cho vay từ 1-2% để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tăng việc làm, tạo sinh kế cho người dân, phấn đấu tăng tín dụng 5 – 6% ngay trong quý 2/2024.

Về chính sách tài khóa:

- Triệt để thực hiện tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách Nhà nước; tiếp tục thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, sinh kế cho người dân.

- Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, lách đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư, kích hoạt mọi nguồn lực xã hội; khẩn trương nghiên cứu phát hành trái phiếu Chính phủ để huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, tập trung vào hạ tầng chiến lược, nhà ở xã hội, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

- Trước mắt cần huy động ngay khoảng 100 nghìn tỷ đồng phục vụ các dự án trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Nguồn: Chinhphu.vn

Tại kỳ họp này, Quốc hội sẽ dành phần lớn thời gian cho công tác lập pháp, giám sát.

Có 5 lĩnh vực sẽ xin ý kiến các đại biểu Quốc hội gồm: Tài nguyên và Môi trường; Kiểm toán; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo.

Trong 5 lĩnh vực này sẽ được đại biểu Quốc hội xem xét lựa chọn 4 lĩnh vực để thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn trong kỳ họp này.

Trong danh sách các lĩnh vực xin ý kiến đại biểu, Công thương và Kiểm toán là những lĩnh vực lần đầu được đề xuất tiến hành chất vấn trong nhiệm kỳ Quốc hội lần này.

Nguồn: quochoi.vn

Theo đó, việc thanh tra bao gồm các nội dung:

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh vàng; Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền; Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về chế độ kế toán, lập và sử dụng hóa đơn, chứng từ; về kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế. Thời kỳ thanh tra từ 01/01/2020 đến 15/5/2024, khi cần thiết có thể thanh tra trước hoặc sau thời kỳ nêu trên.

Từ 19/4/2024 đến nay, NHNN đã tổ chức 07 phiên đấu thầu bán vàng miếng SJC với tổng khối lượng trúng thầu là 27.200 lượng (tương đương khoảng 1,02 tấn).

Khối lượng vàng đầu thầu vẫn ở mức 16.800 lượng.

Người dân cần thận trọng khi tham gia giao dịch vàng để giảm thiểu rủi ro.

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023

- Đề nghị gia hạn thời gian cơ cấu nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN thêm 6 tháng, đến hết năm 2024.
- Việc kéo dài thời gian cơ cấu nợ theo Thông tư 02 sẽ góp phần hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn, góp phần hỗ trợ phục hồi phát triển nền kinh tế.

Mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục biến động tăng

Cho đến giữa tháng 5/2024, lãi suất huy động tiếp tục được các ngân hàng điều chỉnh tăng.

Xuất nhập khẩu Việt Nam 2023 và 4 tháng đầu năm 2024

Trong năm 2023, nhiều khó khăn từ cả nguồn cung nguyên vật liệu và nhu cầu tiêu dùng hàng hóa đã tác động làm suy giảm kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam.

Cả năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 354,7 tỷ USD, giảm 4,6% so với năm trước, nhập khẩu đạt 326,4 tỷ USD, giảm 9,2% so với năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 xuất siêu 28,3 tỷ USD.

4 tháng đầu năm 2024 dự kiến xuất siêu 8,4 tỷ USD. Xuất khẩu tăng 15%, nhập khẩu tăng 15,2%. (TCHQ)

Thời gian tới đây, NHNN phối hợp cùng các cơ quan hữu quan sẽ tiếp tục quyết liệt triển khai các giải pháp tổng thể và toàn diện theo quy định với mục tiêu xử lý dứt điểm tình trạng chênh lệch ở mức cao giữa giá vàng miếng trong nước và vàng quốc tế.

Đến 31/12/2024, tổ chức tín dụng (TCTD) đã có đủ nguồn tài chính để xử lý rủi ro như trong trường hợp TCTD thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định hiện hành (Thông tư 11/2021/TT-NHNN). Kéo dài thời gian cơ cấu nợ theo Thông tư đến hết 31/12/2024 sẽ không ảnh hưởng đến cơ chế trích lập dự phòng rủi ro do kéo dài thời gian cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với hệ thống.

Giãn thời gian cơ cấu nợ đến 31/12/2024 sẽ góp phần làm giảm mức độ gia tăng nợ xấu nội bảng của TCTD và tạo điều kiện cho TCTD thực hiện hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng, góp phần hỗ trợ phục hồi nền kinh tế.

Nguồn: NHNN

Mức lãi suất huy động tiết kiệm **cao nhất** ở các kỳ hạn thống kê được lần lượt là:

Không kỳ hạn (4,2%), 01 tháng (5,7%), 03 tháng (5,7%), 06 tháng (6,2%), 09 tháng (5,9%), 12 tháng (7,1%), 13 tháng (7,15%), 18 tháng (6,5%), 24 tháng (6,6%).

HD Bank là ngân hàng hiện có mức lãi suất huy động cao nhất ở kỳ hạn 12 tháng và 13 tháng.

Nguồn: Tổng hợp thông tin các ngân hàng thương mại

10 tỉnh/thành phố có kim ngạch XK dẫn đầu năm 2023:

TT	Tỉnh/thành phố	Kim ngạch xuất khẩu 2023 (tỷ USD)
1	TP Hồ Chí Minh	42,46
2	Bắc Ninh	39,3
3	Bình Dương	30,6
4	Hải Phòng	26,8
5	Thái Nguyên	25,7
6	Bắc Giang	24,5
7	Đông Nai	21,6
8	Hà Nội	16,7
9	Phú Thọ	10,6
10	Vĩnh Phúc	9,97

(Báo cáo XNK Việt Nam năm 2023)

Lũy kế trong 4 tháng đầu năm 2024 so cùng kỳ năm trước:

*Xuất khẩu ước đạt 123,64 tỷ USD, tăng 15%.

*Nhập khẩu ước đạt 115,24 tỷ USD, tăng 15,4%.

*Tổng xuất nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2024 ước đạt 238,88 tỷ USD, tăng 15,2%.

* Cán cân thương mại 4 tháng đầu năm 2024 dự kiến xuất siêu 8,40 tỷ USD.

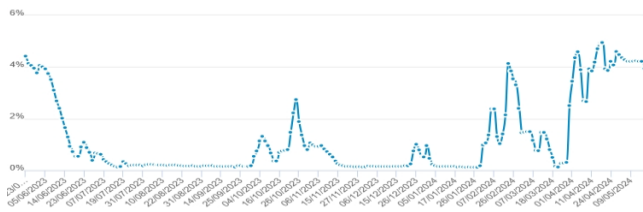
Nguồn: Bộ Công Thương, Tổng cục Hải Quan

II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường liên ngân hàng

Lãi suất LNH ON (%)

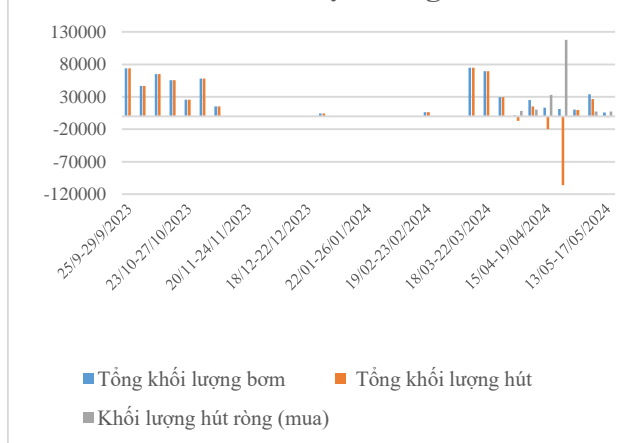


Trong tuần từ 13/05 - 17/05/2024, lãi suất VND LNH giảm ở tất cả các kỳ hạn qua hầu hết các phiên.

Chốt phiên ngày 17/05/2024, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 3,95% (-0,30 điểm %); 1W 4,22% (-0,21 điểm %); 2W 4,40% (0,26 điểm %); 1M 4,65% (-0,15 điểm %).

Thị trường mở

Diễn biến thị trường mở



Trên thị trường mở, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 28.000 tỷ VND, lãi suất 4,25%. Có 7.506,03 tỷ đồng trúng thầu và 7.337,87 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

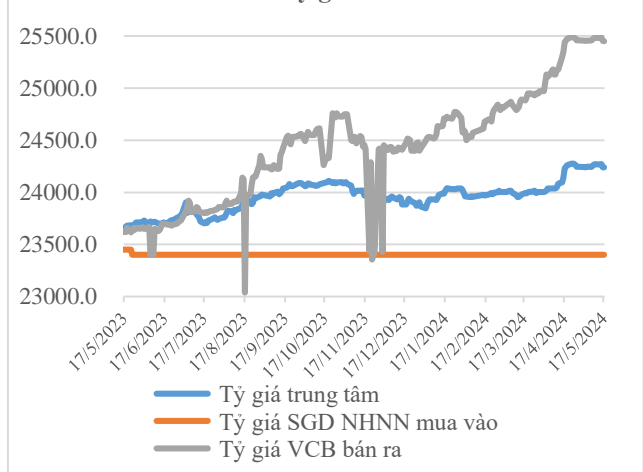
NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất ở tất cả các phiên. Hết tuần, có tổng cộng 6.000 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất đi ngang ở 3,75%/năm ở 4 phiên đầu tuần, phiên cuối tuần tăng lên mức 3,85%, có 13.100 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

Như vậy, NHNN bơm ròng 7.268,16 tỷ VND ra thị trường trong tuần qua kênh thị trường mở, khối lượng tín phiếu NHNN lưu hành giảm xuống mức 61.490 tỷ đồng, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 7.506,03 tỷ đồng.

Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

Thị trường ngoại hối

Diễn biến tỷ giá USD/VND



Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY trượt khỏi mốc trên 105 điểm, giảm tới 1,15 điểm so với cuối tuần trước, xuống còn 104,49 điểm.

Trong nước, tỷ giá trung tâm USD/VND giảm mạnh 31 đồng/USD so với phiên cuối tuần trước, xuống còn 24,240 đồng/USD trong phiên 16/5/2024.

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) giữ giá mua/bán giao ngay không đổi ở mức 23,400 đồng/USD và 25,450 đồng/USD kể từ ngày 19/04/2024.

Tỷ giá niêm yết tại Vietcombank giảm 32 đồng/USD so với cuối tuần trước (10/5/2024), về mức 25,122 đồng/USD (mua vào) và 25,452 đồng/USD (bán ra).

Tỷ giá USD/VND trên thị trường tự do tăng 80 đồng/USD chiều mua và 70 đồng/USD ở chiều bán, lên mức 25,750 đồng/USD (mua vào) và 25,820 đồng/USD (bán ra).

Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

C. VĂN BẢN LIÊN QUAN BAN HÀNH, DỰ THẢO TRONG TUẦN

* VĂN BẢN DỰ THẢO XIN Ý KIẾN

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Nguồn
NHNN	Dự thảo Nghị định quy định về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ	17/05/2024	
NHNN	Dự thảo Thông tư quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô	17/05/2024	
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN	15/05/2024	Sbv.gov.vn
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 51/2018/TT-NHNN	14/05/2024	
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08/2023/TT-NHNN	13/05/2024	

HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM